Thì hiện tại đơn diễn tả sự thật, thói quen.

Câu khẳng định:
He/She/It/ chủ ngữ số ít+ động từ thêm S/ES
Câu phủ định:
He/She/It/ chủ ngữ số ít+ doesn't + động từ không chia
He doesn't drink cold water.

Câu khẳng định:
I/you/we/they/Chủ ngữ số nhiều + Động từ không chia
Câu phủ định:
I/you/we/they/Chủ ngữ số nhiều +DON'T + động từ không chia
They **don't drink** hot water.

1	The apple tree ..... (keep) Arnold busy all year.
2	Arnold..... (juggle) some green apples for his free friend.
3	A bud ..... (grow) innto an apple blossom.
4	Arnold..... (make) a swing for his apple tree.
5	The apple tree ..... (shade) Arnold from the hot sun.
6	Arnold..... (**not** juggle) some green apples for his free friend.
7	A bud ..... (**not** grow) into an ice cream.
8	Arnold..... (**not** make) a swing for his apple tree.
9	The apple pie ..... (**not** shade) Arnold from the hot sun.
10	Arnold..... (**not** watch) small buds grow on his apple tree.
11	I..... (go) to school every weekday.
12	They..... (fix) my laptop.
13	You ..... (brush) your teeth twice a week.
14	We always..... (try) our best.
15	Annie and Sarah ..... (study) for the exam.
16	They ..... (**not** spy) me!
17	You ..... (**not** enjoy) playing tennis.
18	We sometimes ..... (**not** tidy) bedrooms !!!
19	I ..... (**not** cry) here.
20	Anna and Arnold ..... (**not** play) the piano every day.

LIVEWORKSHEETS

Bài 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống

A Complete the phrases.

plant fly drink ~~make~~ eat go ride build

1 make a swing
2 _____ a snowman
3 _____ a bicycle
4 _____ hot chocolate
5 _____ a kite
6 _____ to the beach
7 _____ ice cream
8 _____ flowers

Bài 3: Hoàn thiện câu (Sử dụng các cụm từ trong Bài 2 trên)



1 In the spring, we ride a bicycle, plant flowers, and fly a kite.

2. In the summer, we make _____, go _____, eat _____, and watch honeybees.

3. In the winter, we build _____, drink _____, and put out food for the birds.

LIVEWORKSHEETS